

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13
ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

*Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh
nghiệp sau đăng ký thành lập,*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
Thông tư liên tịch hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ
thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết về việc trao đổi thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế, bao gồm thông tin về đăng ký doanh nghiệp, tình hình hoạt động, báo cáo tài chính của doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;
2. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Cục Thuế, Chi cục Thuế;
4. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh);
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.
2. Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
3. Hệ thống thông tin thuế bao gồm Hệ thống thông tin đăng ký thuế và Hệ thống thông tin báo cáo tài chính của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.
4. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.
5. Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục thuế, Cục thuế, Chi cục thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế .

Điều 4. Nguyên tắc trao đổi thông tin

1. Các cơ quan quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Thông tư này có trách nhiệm như sau:
 - a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp so với thông tin trong Hệ thống do mình quản lý;
 - b) Chịu trách nhiệm thực hiện việc trao đổi thông tin kịp thời, chính xác theo yêu cầu; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất dữ liệu giữa hai Hệ thống;
 - c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng thông tin được cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thông tin trao đổi giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế có giá trị pháp lý như thông tin trao đổi bằng bản giấy.

Điều 5. Hình thức, tần suất trao đổi thông tin

1. Hình thức trao đổi thông tin:

Việc trao đổi thông tin doanh nghiệp được thực hiện thông qua mạng điện tử kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.

Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Tần suất trao đổi thông tin:

- a) Việc trao đổi thông tin được thực hiện tự động theo thời gian thực;
- b) Trong các trường hợp cụ thể, để phục vụ công tác quản lý nhà nước, Tổng cục Thuế và Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có thể thỏa thuận để thống nhất về thời gian và tần suất trao đổi thông tin.

Điều 6. Đầu mỗi trao đổi thông tin

Các đơn vị đầu mỗi trao đổi thông tin bao gồm:

1. Cấp Trung ương

- a) Tổng cục Thuế;
- b) Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.

2. Cấp địa phương

- a) Cục Thuế, Chi cục Thuế;
- b) Phòng Đăng ký kinh doanh.

Chương II

TRAO ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 7. Các thông tin trao đổi giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế

1. Các thông tin trao đổi bao gồm:

- a) Hệ thống danh mục dùng chung;
- b) Thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc;
- c) Thông tin đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nội dung đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc;
- d) Thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc; thông tin về việc vi phạm pháp luật về thuế của người thành lập, quản lý doanh nghiệp;
- đ) Thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2. Căn cứ nhu cầu cụ thể, Tổng cục Thuế và Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung danh mục thông tin trao đổi cho phù hợp.

Điều 8. Trao đổi thông tin về hệ thống danh mục dùng chung

1. Hệ thống danh mục dùng chung là các danh mục được Tổng cục Thuế và Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thống nhất sử dụng nhằm đảm bảo đồng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ việc trao đổi thông tin giữa hai Hệ thống.

2. Hệ thống danh mục dùng chung bao gồm:

- Danh mục Quốc gia, Danh mục tỉnh/thành phố, Danh mục quận/huyện, Danh mục phường/xã, Danh mục kho bạc, Danh mục tiền tệ, Danh mục loại thuế, Danh mục chi tiết loại hình kinh tế, Danh mục cơ quan thuế (theo danh mục đang sử dụng trên Hệ thống thông tin đăng ký thuế);

- Danh mục giao dịch: giao dịch dùng chung trong quá trình thực hiện trao đổi thông tin giữa 2 Hệ thống theo từng quy trình; quy định chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Danh mục kết quả trả về từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế: quy định chi tiết tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Danh mục kết quả trả về từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: quy định chi tiết tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Danh mục ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Khi có thông tin thay đổi liên quan đến Danh mục ngành, nghề kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có trách nhiệm cập nhật các nội dung thay đổi và chuyển cho Tổng cục Thuế.

Khi có thông tin thay đổi liên quan đến Danh mục quốc gia, Danh mục tỉnh/thành phố, Danh mục quận/huyện, Danh mục phường/xã, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh và Tổng cục Thuế có trách nhiệm phối hợp để cập nhật, đồng bộ thông tin giữa hai Hệ thống.

Đối với các danh mục dùng chung khác, Tổng cục Thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi và chuyển cho Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.

Điều 9. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc

1. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

2. Việc tạo và cấp mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy trình sau:

- a) Khi hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp,

đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Danh mục thông tin truyền từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc quy định chi tiết tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin.

Trường hợp thông tin phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động tạo mã số doanh nghiệp và thực hiện phân cấp cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp; đồng thời truyền thông tin về mã số doanh nghiệp, thông tin cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp thông tin không phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Danh mục thông tin phản hồi từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định chi tiết tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống thông tin đăng ký thuế cung cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh xử lý như sau:

Trường hợp nhận được mã số do Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền sang, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc và gửi Thông báo về cơ quan thuế quản lý đến doanh nghiệp. Mẫu Thông báo về cơ quan thuế quản lý quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp nhận được phản hồi của Hệ thống thông tin đăng ký thuế về việc thông tin không phù hợp, Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra lại dữ liệu so với hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, gửi thông báo đề nghị doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định.

Trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhận được mã số từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh không cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế để hủy mã số đã tạo.

d) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Danh mục thông tin truyền từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc quy định chi tiết tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.